

Bản án số: 108 /2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 21 - 08- 2024.

V/v: “ Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Thái Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Mạnh Trường

Bà Nguyễn Thị Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện VKSND huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị D - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở TAND huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự: Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Hồng N; sinh năm 2004; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Mai Văn T; sinh năm 2001; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị N có mặt, anh T vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Vũ Thị Hồng N trình bày:

Chị và anh Mai Văn T kết hôn vào ngày 02/11/2022 được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 15/09/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống. Nay chị N nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên chị đề nghị Toà án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Mai Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Vũ Mai Gia H, sinh ngày 14/03/2021. Hiện con chung đang ở với chị. Lý do tại đơn khởi kiện chị khai thông tin vợ chồng không có con chung vì trước khi đăng ký kết hôn chị và anh T có quan hệ tình cảm nên đã mang thai cháu Vũ Mai Gia H. Tuy nhiên, khi con chung được hơn một tuổi rưỡi thì vợ chồng chị mới đăng ký kết hôn. Vì thiếu hiểu biết pháp luật nên khi đăng ký giấy khai sinh cho con chị chỉ khai thông tin của mẹ mà không có thông tin của bố. Vì vậy, cháu Vũ Mai Gia H mang họ mẹ và không ghi thông tin của bố trong giấy khai sinh. Hiện con chung đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Vợ chồng chị không có tài sản, công nợ, công sức đóng góp nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà:

Chị N khẳng định Vũ Mai Gia H là con chung của chị và anh T; giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Không yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ, công sức đóng góp.

***Quan điểm của kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS.

Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị N và anh T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị Hồng N.

- Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị Hồng N và ông Mai Văn T.

- Về con chung: Chưa có căn cứ xác định cháu Vũ Mai Gia H là con chung của chị N, anh T nên chưa giải quyết trong vụ án này. Tiếp tục giao cháu Vũ Mai Gia H cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện nên chấp nhận. Chị N, anh T có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về con chung.

- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS.

Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Thị Hồng N và anh Mai Văn T kết hôn vào ngày 02/11/2022 được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến ngày tháng 09/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Mai Văn T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân (TAND) huyện T đã nhiều lần tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

Căn cứ vào đơn yêu cầu thu thập chứng cứ của chị N, TAND huyện Trực Ninh tiến hành thu thập chứng cứ tại xã L nơi anh T cư trú. Kết quả xác minh: Anh Mai Văn T và chị Vũ Thị Hồng N có đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 02/11/2023. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại chị N đã về ở tại nhà mẹ đẻ tại Thôn T, xã L. Anh T1 hiện vẫn đang cư trú và sinh sống tại thôn T, xã L. UBND xã L nhận được công văn số 41/2024/CV-TA ngày 06/06/2024 của TAND huyện Trực Ninh về việc chị N có đơn xin ly hôn anh T1. UBND xã L đã tổng đạt giấy triệu tập cho anh T1 đến trụ sở UBND xã L để làm việc với Tòa án. Tuy nhiên anh T1 không đến làm việc, không có lý do. UBND xã L đã phân công trưởng thôn T cùng đại diện TAND huyện Trực Ninh xuống nhà anh T1 để làm việc. Tuy nhiên, anh T1 không có nhà, bố mẹ anh T1 đều đi làm không có nhà.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh T1 đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân đã thực sự tan vỡ, mục đích

của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên việc chị N xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N trình bày vợ chồng chị có 01 con chung là Vũ Mai Gia H, sinh ngày 14/03/2021. Hiện con chung đang ở với chị. Lý do tại đơn khởi kiện chị khai vợ chồng không có con chung vì trước khi đăng ký kết hôn, chị và anh T1 có quan hệ tình cảm nên đã mang thai cháu Vũ Mai Gia H. Tuy nhiên, khi con chung được hơn một tuổi rưỡi, vợ chồng chị mới đăng ký kết hôn. Vì thiếu hiểu biết pháp luật nên khi đăng ký khai sinh cho con, chị chỉ khai thông tin của mẹ mà không có thông tin của bố. Vì vậy, cháu Vũ Mai Gia H mang họ mẹ và không ghi thông tin của bố trong giấy khai sinh. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị N xác định đây là con chung của vợ chồng sinh trước khi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị N và con chung vẫn sống cùng anh T1.

Theo quy định tại Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình, con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng.

Kết quả xác minh tại UBND xã L thấy: Theo sổ đăng ký khai sinh lưu tại UBND xã L, cháu Vũ Mai Gia H, sinh ngày 14/03/2021 đăng ký khai sinh ngày 04/4/2023 là con riêng của chị Vũ Thị Hồng N. Chị N và anh T1 kết hôn ngày 02/11/2022. Tại “Xác nhận thông tin về cư trú” do Công an xã L xác nhận ngày 04/3/2024 cũng không có thông tin của cháu Vũ Mai Gia H, Tại đơn khởi kiện chị N cũng ghi không con chung.

Anh T1 đã biết việc chị N có đơn xin ly hôn nhưng không đến Tòa án trình bày quan điểm, vắng mặt không có lý do nên HĐXX thấy chưa có căn cứ xác định cháu Vũ Mai Gia H là con chung của chị N, anh T1.

HĐXX xét thấy, hiện tại cháu Vũ Mai Gia H đang ở cùng chị N, anh T1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên để đảm bảo việc chăm sóc giáo dục trẻ em, cần tiếp tục giao cháu Vũ Mai Gia H cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc chị N không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng nên HĐXX không xem xét.

Chị N, anh T1 có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về tài sản chung, khoản nợ chung con chung của vợ chồng nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật .

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 88 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị Hồng N và anh Mai Văn T.  
2. Về con: Giao cho chị Vũ Thị Hồng N trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Vũ Mai Gia H, sinh ngày 14/03/2021. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

3. Án phí: Chị Vũ Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003961 ngày 06/03/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã Liêm Hải;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thái Hà**

